TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 462/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị D, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn M, xã L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn N, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Số 1048 đường Vĩnh Lộc, tổ X, ấp Y, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Hoàng Thị D trình bày:

Bà D và ông Hoàng Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01 cấp ngày 27/02/2015. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng thường hay gây gỗ, không có sự tôn trọng và thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông N không có trách nhiệm, chăm lo cho gia đình. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà D nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên là Hoàng Thị Phương K, sinh ngày 12/12/2015; Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 29/6/2018 và Hoàng Thị Thanh T1, sinh ngày 30/11/2020. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T1; đồng ý giao trẻ K và trẻ N1 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác nhận không có.

Đối với bị đơn ông Hoàng Văn N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông N vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hoàng Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Văn N; bị đơn cư trú tại xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Hoàng Văn N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Hoàng Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà D và ông N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01 cấp ngày 27/02/2015; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà D và ông N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D xác định giữa bà và ông N mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà D và ông N đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa xét xử ông N vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ; mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị D đối với ông Hoàng Văn N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung, khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hoàng Thị Thanh T1, sinh ngày 30/11/2020; đồng ý giao 02 trẻ Hoàng Thị Phương K, sinh ngày 12/12/2015 và trẻ Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 29/6/2018 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay trẻ T1 đang sinh sống cùng với bà D; trẻ K và trẻ N1 đang sinh sống cùng với ông N; việc chăm sóc, nuôi dưỡng các trẻ do bà D và ông N trực tiếp trông nom, nuôi dạy nên Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ T1 cho bà D và giao trẻ K, trẻ N1 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56, 57, 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị D đối với ông Hoàng Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị D được ly hôn với ông Hoàng Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01 đăng ký ngày 27 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp cho bà Hoàng Thị D và ông Hoàng Văn N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Hoàng Thị Thanh T1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/11/2020 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; giao các trẻ Hoàng Thị Phương K, sinh ngày 12/12/2015 và trẻ Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 29/6/2018. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hoàng Thị D và ông Hoàng Văn N có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà d xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0019940 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. L, TP. T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khương

2 000010 109203